

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/DS-PT

Ngày: 20 – 11 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Hồng Thu

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS- ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn C (có mặt).

2. Bà Lê Thị Thúy V (có mặt).

Cùng cư trú: Xóm 3, T G 2, T Gi, T S, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn:

1. Anh Hà Xuân V (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Đ (có mặt).

Cùng cư trú: Xóm 3, T G 2, T Gi, T S, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T S, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T S: Ông Nguyễn Quốc D - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T S (Văn bản ủy quyền số 11/GUQ-UBND ngày 30/6/2017).

2. Bà Hồ Thị L.

3. Chị Hà Thị Diễm T

4. Anh Hà Xuân N

5. Anh Hà Xuân C

6. Ông Nguyễn Văn Đ (vắng).

7. Anh Nguyễn Thế D.

Cùng cư trú: Thôn T G, xã T Gi, huyện T S, tỉnh Bình Định

Người đại diện hợp pháp của anh D: Ông Nguyễn C; cư trú tại: Thôn T G 1, xã T Gi, huyện T S, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 17.7.2018)

8. Anh Nguyễn Thế K; cư trú tại: Thôn T G 2, xã T Gi, huyện T S, tỉnh Bình Định

9. Chị Hà Thị Thảo L; cư trú tại: Số 265/10 Nguyễn H, phường Trần P, thành phố Q N, Bình Định (có mặt).

10. Chị Hà Thị Quế M; cư trú tại: Thôn P B, xã C A, thị xã A K, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

11. Anh Hà Xuân A; cư trú tại: Số 213/1/20 Q T, phường 10, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Chị T, anh Hà Xuân C, anh N, anh A có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V trình bày:

Ngày 02/7/1988, vợ chồng ông bà làm đơn xin mua nhà ở khu Trại Kiểm soát Đ P cũ của Ngụy. Ngày 15/7/1988, Ủy ban nhân dân (UBND) xã T Gi thống nhất bán cho ông bà và chuyển đơn của ông, bà đến UBND huyện T S xem xét giải quyết. Ngày 09/8/1988, UBND huyện T S có ý kiến ngôi nhà này do UBND xã T Gi đang quản lý nên giao UBND xã T Gi giải quyết bán và thu tiền cho ngân sách xã. Sau đó, vợ chồng ông bà đã được mua ngôi nhà này với giá 750.000đ nhưng biên lai hiện

không còn lưu giữ.

Ngày 06/3/1989, vợ chồng ông bà được UBND xã T Gi giao nhà và đất ở khu đất Trạm Kiểm soát cũ (Đ P), có diện tích như sau: nhà ở có chiều ngang 04m, chiều dài 08m; khu vực đất có chiều ngang 08m, chiều dài từ Quốc lộ 19 ra giáp ruộng. Năm 1989, ông bà đã chia đất thành hai phần bằng nhau cho em ông C là Nguyễn Văn Đ, để anh em làm nhà ở sát cạnh nhau cho đến nay.

Phần đất phía sau nhà ông bà đã có tranh chấp từ lâu khi ông H T còn sống. Lúc đó, ông H T rào chắn phía sau không cho gia đình ông bà thoát nước thải và rác sinh hoạt. Vì nhu cầu sinh hoạt gia đình nên vợ chồng ông bà đã mua của ông H T thêm 01 khoảnh đất tiếp giáp phía sau nhà để xây công trình phụ, nhà vệ sinh như hiện trạng hiện nay (mua năm 1995). Sau đó, hai bên gia đình vẫn sử dụng chung phần đất giáp ruộng phía sau nhà ông bà.

Năm 2002, ông bà được UBND huyện T S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp đổi lại vào ngày 06/11/2007 theo thửa đất số 248, tờ bản đồ số 54, diện tích 101m² tại T G 2, T Gi, T S, Bình Định. Tuy nhiên, diện tích này là theo diện tích nhà mà vợ chồng ông bà xây dựng còn phần đất phía sau giáp ruộng vẫn thuộc của vợ chồng ông bà theo như giấy giao nhà đất năm 1989 nhưng hiện nay ông bà không biết vì sao lại thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh Hà Xuân V và chị Nguyễn Thị Đ (chủ hộ là ông H T đã chết).

Vợ chồng anh V, chị Đ sử dụng phần đất phía sau nhà ông bà để xây dựng các công trình ông bà không đồng ý. Ông bà yêu cầu Tòa giải quyết buộc hộ gia đình anh V phải trả lại diện tích đất từ phía sau nhà vợ chồng ông bà ra giáp ruộng theo như Giấy giao nhà đất ban đầu năm 1989 của UBND xã T Gi để vợ chồng ông bà sử dụng.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ bị đơn là vợ chồng anh Hà Xuân V và chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc đất ở của gia đình anh có trước năm 1975 do cha anh là ông H T mua của người khác nhưng giấy tờ hiện nay đã bị thất lạc. Gia đình anh sinh sống ổn định từ trước đến nay. Theo anh, thì Trạm Kiểm soát cũ Đ P có chiều dài ngắn, phía sau trạm là ruộng nhưng ruộng đó là của gia đình anh canh tác nên cha anh đã lấp ruộng dần thành đất bằng. Do vậy, việc vợ chồng ông C, bà V cho rằng giáp ruộng là không đúng vì ruộng lúc trước đã được gia đình anh nâng thành đất ở nên phần giáp ruộng như hiện nay là phần đất của gia đình anh và giáp đất ở của vợ chồng ông C, bà V. Ngày 30/11/1998 hộ gia đình anh đã được UBND huyện T S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1790y tờ bản đồ 17, diện tích đất vườn là 30m² và đất ở là 400m². Năm 2010, anh cưới vợ là chị Nguyễn Thị Đ, hiện vợ chồng anh đang quản lý sử dụng thửa đất này.

Nay vợ chồng ông C cho rằng phần đất phía sau nhà ông C là đất của vợ chồng ông C, anh chị không đồng ý vì đất này là của gia đình anh đã được Nhà nước công nhận. Trước đây, khi cha anh còn sống đã một lần bán đất cho vợ chồng ông C, bà V

nên nay gia đình anh không đồng ý bán thêm mét đất nào nữa. Anh chị yêu cầu ông C, bà V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của vợ chồng anh chị và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho hộ gia đình anh vào năm 1998. Việc cấp đổi lại sổ đỏ có chênh lệch về diện tích so với sổ cũ, anh sẽ yêu cầu cơ quan hành chính giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Tại văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Nguồn gốc phần đất mà hiện nay vợ chồng ông Nguyễn C tranh chấp với vợ chồng anh Hà Xuân V:

Nguyên phía sau Trạm Kiểm soát cũ còn có 01 Lô cốt cũ của chính quyền Ngụy và 01 cái ao (lý do hình thành cái ao này là do chính quyền cũ lấy đất để làm lô cốt mà tạo nên). Sau năm 1975 ông H T cải tạo đất hoang sau cái ao để sử dụng ổn định. Đến năm 1993 thực hiện theo Luật đất đai năm 1993 và Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ về việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình và cá nhân, tại thời điểm đó ông H T đang sử dụng ổn định phần diện tích đất này nên bộ phận đo đạc bản đồ đã đo đạc cùng với phần diện tích đất ở phía mặt trước ông đang sử dụng và được đo thành là thửa đất số 1790Y, tờ bản đồ số 17, diện tích 430 m² (400 m² đất ở và 30 m² đất vườn); Hội đồng giao quyền sử dụng ruộng đất của xã Tây Giang đã xét cân đối giao quyền sử dụng đất và đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông H T, tại giấy chứng nhận QSD đất số 01284 QSD Đ/H1, cấp ngày 30/11/1998.

Như vậy, phần diện tích đất nằm ở phía nam (phía sau nhà) mà hiện nay vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V tranh chấp đất với vợ chồng anh H Xuân V và chị Nguyễn Thị Đ có nguồn gốc là đất hoang sau cái ao do ông H T khai hoang sử dụng, không phải là đất và nhà mà vợ chồng ông C mua của Trạm kiểm soát.

Phần diện tích này, sau năm 1975 ông H T khai phá sử dụng và đến năm 1993 thực hiện theo Nghị định 64/CP của chính phủ, tại thời điểm này ông H T đang sử dụng nên đã cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông H T.

Do vậy, yêu cầu Tòa không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V tranh chấp đòi lại phần diện tích đất phía sau nhà (phía nam) mà Nhà nước đã giao quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông H T (cha anh Hà Xuân V) vì phần diện tích đất này không nằm trong phần diện tích mà vợ chồng ông mua lại Trạm Kiểm Soát cũ (Đ P).

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thế K trình bày:

Anh thống nhất với trình bày và yêu cầu của cha mẹ là ông C, bà V.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày và yêu cầu của cha mẹ là ông C, bà V.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông là em ruột của ông Nguyễn C. Ông thống nhất như trình bày của vợ chồng ông C, bà V về nguồn gốc thửa đất của ông và của ông C. Ông không biết ông được công nhận quyền sử dụng đất có diện tích bao nhiêu nhưng khi cấp đổi lại thì ông được quyền sử dụng 102m². Khi vợ chồng ông C mua đất của ông H T thì có mua luôn phần đất phía sau nhà ông nên đất ở của ông có chiều dài như hiện nay và bằng với đất ở của vợ chồng ông C. Nay ông không có yêu cầu gì.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hà Xuân A trình bày:

Anh là con của ông H T và bà Hồ Thị L và là anh ruột của anh Hà Xuân V. Anh thống nhất như anh Hà Xuân V trình bày về nguồn gốc đất cũng như yêu cầu Tòa giải quyết việc vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hà Xuân N trình bày:

Anh là con của ông H T và bà Hồ Thị L và là anh ruột của anh Hà Xuân V. Anh thống nhất như anh Hà Xuân V trình bày về nguồn gốc đất cũng như yêu cầu Tòa giải quyết việc vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Diễm T trình bày:

Chị là con của ông H T và bà Hồ Thị L và là chị ruột của anh Hà Xuân V. Chị thống nhất như anh Hà Xuân V trình bày về nguồn gốc đất cũng như yêu cầu Tòa giải quyết việc vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà, do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Thảo L trình bày:

Chị là con của ông H T và bà Hồ Thị L và là chị ruột của anh Hà Xuân V. Chị thống nhất như anh Hà Xuân V trình bày về nguồn gốc đất cũng như yêu cầu Tòa giải quyết việc vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà, do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị L trình bày:

Nguồn gốc đất là do gia đình tạo lập ở trước năm 1975 và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Nay vợ chồng ông C, bà V cản trở quyền sử dụng đất của gia đình là không đúng. Bà có yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Tại các biên bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Quế M trình bày:

Chị là con của ông H T và bà Hồ Thị L. Nguồn gốc đất là do gia đình tạo lập ở trước năm 1975 và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Nay vợ chồng ông C, bà V cản trở quyền sử dụng đất của gia đình là không đúng. Chị có yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng đất của hộ gia đình do vợ chồng anh V đang quản lý và yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã giao cho gia đình vào năm 1998.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T S quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn C và bà Lê Thị Thúy V.

Buộc hộ gia đình ông Nguyễn C gồm: ông Nguyễn C, bà V, anh Nguyễn Thế D, anh Nguyễn Thế K phải trả lại quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình anh Hà Xuân V. Vợ chồng ông C, bà V được quyền sử dụng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 54, diện tích 101 m², loại đất ở tại T G, T Gi, T S, Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện T S cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08574 ngày 06/11/2007, có giới cận: Đông giáp đất ONT thửa số 01, Tây giáp đất ONT thửa số 247, Nam giáp đất ONT thửa số 421, Bắc giáp Quốc lộ 19,

Không chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V được quyền sử dụng phần đất phía sau nhà ra giáp ruộng vì không có cơ sở.

Hộ gia đình anh Hà Xuân V được quyền sử dụng thửa đất số 1790Y, tờ bản đồ số 17, diện tích 430 m² (400 m² đất ở và 30 m² đất vườn) tại T G, T Gi, T S, Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện T S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01284/H1 ngày 30/11/1998, có giới cận: Đông giáp đất ONT thửa số 247, Tây giáp đất ONT thửa số 420, Nam giáp đất LUK thửa số 41, Bắc giáp Quốc lộ 19.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/02/2018 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V kháng cáo yêu cầu vợ chồng anh Hà Xuân V, chị Nguyễn Thị Đ phải trả lại cho ông bà diện tích

đất đã lấn chiếm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V yêu cầu vợ chồng anh Hà Xuân V, chị Nguyễn Thị Đ trả 32,4 m² đất nhưng vợ chồng anh V, chị Đ không đồng ý mà cho rằng đất này Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Nguồn gốc đất ở của vợ chồng ông C, bà V là do được Ủy ban nhân dân xã T Gi giao nhà và đất ở thuộc Trạm kiểm soát Đ P cũ (do Ngụy lập). Việc giao nhà, đất có lập văn bản vào ngày 06/3/1989 nhưng không nêu rõ chiều dài lô đất là bao nhiêu mét mà chỉ ghi từ Quốc lộ 19 ra giáp ruộng. Trong khi đó, hộ gia đình ông H T (cha anh Hà Xuân V) đã ở từ trước và sử dụng phần đất phía sau Trạm Kiểm soát. Ngày 30/11/1998, hộ gia đình anh V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1790y tờ bản đồ 17, diện tích đất vườn là 30m² và đất thổ cư là 400m²; hình dạng thửa đất có phần đất giáp phía sau nhà vợ chồng ông C, bà V và ông Nguyễn Văn Đ (hình dạng thửa đất chữ L).

[1.2] Lời khai của những người làm chứng không biết chiều dài thửa đất Trạm Kiểm soát Đ P giao cho ông C là bao nhiêu. Theo lời khai của ông Nguyễn H - Chủ tịch UBND xã T Gi là người đã ký giấy giao nhà ngày 06/3/1989 khẳng định: giấy giao nhà này mới chỉ là xác nhận của UBND xã T Gi đã giao nhà, đất cho ông C, chưa được Ủy ban nhân dân huyện T S xét duyệt nên chưa đủ căn cứ pháp lý. Tuy vợ chồng ông C, bà V xuất trình chứng cứ là Quyết định thu hồi đất ngày 01/6/1989 của UBND huyện T S đối với việc lấn chiếm đất của hộ ông H T và sau khi có quyết giao đất nhưng việc thu hồi đất này giao lại cho UBND xã quản lý chứ không phải giao lại quyền sử dụng cho vợ chồng ông bà nên không có căn cứ cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà. Đối với Giấy giao nhà ngày 16/5/1989 ghi chiều 34m, chiều rộng 5,5m nhưng là bản pho to không có bản chính nên không có cơ sở xem xét.

[1.3] Theo sổ mục kê thể hiện hộ ông Nguyễn C đã đăng ký kê khai diện tích 65m². Sau đó, ông C đăng ký kê khai vào tháng 3/1998 diện tích là 105m² và khi cấp đổi thì được vào sổ địa chính ngày 09/11/2007 với diện tích 101m²; tất cả sổ mục kê và sổ Địa chính đều được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định phê duyệt vào ngày 18/3/2008. Đồng thời, ông C, bà V thừa nhận vào năm 1995 đã mua thêm đất ở của ông H T để làm công trình phụ và có diện tích như được công nhận hiện nay là 101 m². Như vậy, chứng tỏ phần đất phía sau không thuộc quyền sử dụng của vợ

chồng ông C, bà V và từ khi công nhận quyền sử dụng đất năm 2002 đến năm 2007 được cấp đổi lại giấy chứng nhận thì vợ chồng ông C, bà V không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về diện tích được giao sử dụng trong khi đó hộ anh V sử dụng đất từ năm 1975 cho đến nay.

[1.4] Theo Ủy ban nhân dân huyện T S, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ là đúng trình tự quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên sơ thẩm về phần này.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông C, bà V không được chấp nhận nên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông C, bà V không phải chịu.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm 3.000.000 đồng vợ chồng ông C, bà V phải chịu.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà V ; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 361, 368, 370, 371, 455 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 50 luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V đòi anh Hà Xuân V, chị Nguyễn Thị Đ trả 32,4 m².

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V phải chịu 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 05182 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T S

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị Thúy V phải chịu 3.000.000 đồng (đã nộp xong).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh

